

**Công ty TNHH một
thành viên Quản lý tài
sản của các tổ chức tín
dụng Việt Nam**

Biểu số 05-PL1/DBTK

BÁO CÁO

góp vốn điều lệ, mua cổ phần
(Tháng..... năm.....)

STT	Thông tin về khoản nợ VAMC đã mua					Thông tin góp vốn điều lệ, vốn cổ phần					
	Mã tổ chức bán khoản nợ	Mã số thuế	Mua bằng Trái phiếu đặc biệt		Giá mua khoản nợ theo giá trị thị trường	Số dư khoản nợ của khách hàng vay được hạch toán ngoại bảng tại VAMC	Phần giá trị khoản nợ được chuyển thành vốn góp	Giá trị góp vốn điều lệ, mua cổ phần tại khách hàng vay bằng tài sản, nguồn vốn hợp pháp của VAMC	Tỷ lệ vốn góp của VAMC		Vốn điều lệ của khách hàng vay
			Mã trái phiếu	Mệnh giá					Đối với việc chuyển khoản nợ thành vốn góp	Đối với việc sử dụng tài sản, nguồn vốn hợp pháp để góp vốn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

Lập biểu

Kiểm soát

Hà Nội, ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị

1. Đối tượng áp dụng: Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

2. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 10 của tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo.

3. Hình thức báo cáo: Báo cáo điện tử.

4. Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Dự báo, thống kê.

5. Hướng dẫn lập báo cáo:

- Cột (2): Mã tổ chức bán khoản nợ là mã tổ chức tín dụng tuân theo quy định chuẩn của NHNN theo Quyết định 23/2007/QĐ-NHNN ngày 5/6/2007 về Quy định mã ngân hàng dùng trong hoạt động nghiệp vụ ngân hàng.

- Cột (3): Mã số thuế của khách hàng vay là doanh nghiệp.

- Cột (4): Mã trái phiếu đặc biệt.

- Cột (5): Mệnh giá trái phiếu đặc biệt. Đơn vị tính: Triệu đồng.

- Cột (6): Giá mua bán khoản nợ theo giá trị thị trường. Đơn vị tính: Triệu đồng.

- Cột (7): Số dư khoản nợ của khách hàng vay được hạch toán ngoại bảng tại VAMC tính đến ngày cuối cùng của kỳ báo cáo. Đơn vị tính: Triệu đồng.

- Cột (8): Số dư phần giá trị khoản nợ của khách hàng vay hạch toán ngoại bảng tại VAMC được VAMC chuyển thành vốn góp tính đến ngày cuối cùng của kỳ báo cáo. Đơn vị tính: Triệu đồng.

- Cột (9): Số dư giá trị VAMC góp vốn điều lệ, mua cổ phần tại khách hàng vay bằng tài sản (không bao gồm khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt), nguồn vốn hợp pháp của VAMC. Đơn vị tính: Triệu đồng.

- Cột (10): Tỷ lệ vốn góp của VAMC đối với việc chuyển khoản nợ xấu thành vốn góp tính trên vốn điều lệ của khách hàng vay sau khi được VAMC góp vốn. Đơn vị tính: Phần trăm (%).

- Cột (11): Tỷ lệ vốn góp của VAMC đối với việc sử dụng tài sản, nguồn vốn hợp pháp để góp vốn tính trên vốn điều lệ của khách hàng vay sau khi được VAMC góp vốn. Đơn vị tính: Phần trăm (%).

- Cột (12): Vốn điều lệ của khách hàng vay sau khi được VAMC góp vốn. Đơn vị tính: Triệu đồng.

Nguồn: Thông tư 04/2014/TT-NHNN